

Bản án số: 55/2019/DS-ST  
Ngày: 11/10/2019  
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Ngọc Phú

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Lợi
2. Ông Cao Quốc Hưng

**Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa:** Không thuộc trường hợp đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165B/2019/QĐST-DS ngày 27/9/2019, giữa các đương sự:

- 1. Nguyên đơn:** Ông Trần Hồng A, sinh năm 1982  
Bà Lê Thị Hoàng B, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: 1458 đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

- 2. Bị đơn:** Hợp tác xã Vận tải và Dịch vụ C

Trụ sở: Lầu 2 chợ D, Đường A, khu E, phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Trọng D – chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Hợp tác xã

Ông Trần Hồng A, bà Lê Thị Hoàng B, ông Trần Trọng D – tất cả vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong Đơn khởi kiện ngày 03 tháng 7 năm 2019, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là ông Trần Hồng A và bà Lê Thị Hoàng B trình bày: Ông A và bà B là vợ chồng. Ngày 21/12/2016, ông A và bà B có cho Hợp

tác xã Vận tải và Dịch vụ C (gọi tắt là Hợp tác xã C) vay số tiền 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng, lãi suất 1% tháng, thời hạn vay tối đa 06 tháng kể từ ngày Hợp tác xã nhận tiền vay. Việc vay mượn tiền thể hiện bằng biên bản họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát vào ngày 21/12/2016.

Cùng ngày 21/12/2016, bà B đã chuyển khoản cho Hợp tác xã C số tiền 600.000.000 đồng. Hợp tác xã C chỉ trả lãi được 06 tháng với số tiền 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng và cho đến nay Hợp tác xã C vẫn chưa trả số tiền nợ gốc cho ông A bà B. Do đó, ông A và bà B khởi kiện yêu cầu Hợp tác xã C trả số tiền nợ gốc là 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

*Tại bản tự khai, đơn xin vắng mặt, bị đơn Hợp tác xã Vận tải và Dịch vụ C có ông Trần Trọng D là người đại diện theo pháp luật trình bày:* Ông D xác nhận Hợp tác xã Vận tải và Dịch vụ C còn nợ vợ chồng ông Trần Hồng A và bà Lê Thị Hoàng B số tiền nợ gốc 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng theo Biên bản họp Hội đồng quản trị, ban kiểm soát ngày 21/12/2016. Ông D nhận bàn giao từ tháng 11/2017, hiện nay hợp tác xã đã ngưng hoạt động, tài khoản của hợp tác xã không còn. Bị đơn xác định không có yêu cầu phản tố và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng giữa các bên đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, nhận định:

*Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Tranh chấp giữa ông Trần Hồng A và bà Lê Thị Hoàng B với Hợp tác xã Vận tải và Dịch vụ C là tranh chấp hợp đồng dân sự; bị đơn có trụ sở tại Quận 2 nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

*Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn ông Trần Hồng A và bà Lê Thị Hoàng B; bị đơn Hợp tác xã Vận tải và Dịch vụ C có ông Trần Trọng D là người đại diện theo pháp luật đã có lời khai và có yêu cầu vắng mặt khi xét xử. Xét việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết và xét xử vụ án nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

*Về thời hiệu khởi kiện:* Các bên không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung yêu cầu của đương sự:*

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định nguyên đơn ông Trần Hồng A và bà Nguyễn Thị Hoàng B có cho bị đơn Hợp tác xã Vận tải và

Dịch vụ C vay số tiền 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng theo Biên bản họp Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát ngày 21/12/2016 và đến nay bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc. Điều này được phía bị đơn thừa nhận nên căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Tại phần 1 nội dung của Biên bản họp Hội đồng quản trị, ban kiểm soát ngày 21/12/2016 thể hiện: Tiền lãi được tính 1% trên tổng số tiền vay, thời gian vay kể từ ngày Hợp tác xã nhận tiền vay đến ngày trả hết vốn vay và lãi vay (Tối đa 06 tháng). Do đó, Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn được là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi.

Căn cứ khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005 quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*.

Xét thấy giao dịch vay tài sản ngày 21/12/2016 được xác lập giữa Hợp tác xã Vận tải và Dịch vụ C với ông Trần Hồng A và bà Nguyễn Thị Hoàng B, nên Hợp tác xã Vận tải và Dịch vụ C có nghĩa vụ phải hoàn trả tiền cho ông A và bà B.

Xét, ngày 21/12/2016 bị đơn Hợp tác xã Vận tải và Dịch vụ C đã nhận đủ tiền vay và đến nay vẫn chưa hoàn trả tiền nợ gốc cho nguyên đơn ông A bà B. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) phù hợp với quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về tiền lãi: Nguyên đơn xác nhận bị đơn đã trả lãi được 06 tháng với số tiền 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng, tương đương với lãi suất 1%/tháng. Bị đơn không có yêu cầu gì về tiền lãi đã trả. Nguyên đơn ông A bà B tự nguyện không yêu cầu Hợp tác xã C trả tiền lãi còn thiếu. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Áp dụng:**

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;

- Áp dụng Luật thi hành án dân sự.

**Xử:**

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:** Buộc bị đơn Hợp tác xã Vận tải và Dịch vụ C phải trả ngay cho nguyên đơn ông Trần Hồng A và bà Nguyễn Thị Hoàng B số tiền nợ gốc 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng. Phương thức thanh toán làm một đợt. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi.

Thi hành dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

**2. Kể từ ngày ông Trần Hồng A và bà Nguyễn Thị Hoàng B có đơn yêu cầu thi hành án nếu Hợp tác xã Vận tải và Dịch vụ C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ chi trả số tiền nói trên thì hàng tháng Hợp tác xã Vận tải và Dịch vụ C còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền tính trên nghĩa vụ chi trả. Nếu các bên không có thỏa thuận thì lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.**

**3. Về án phí:** Hợp tác xã Vận tải và Dịch vụ C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 28.000.000 (Hai mươi tám triệu) đồng. Ông Trần Hồng A và bà Nguyễn Thị Hoàng B không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả cho ông Trần Hồng A số tiền tạm ứng án phí 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0016532 ngày 11/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 2. Hợp tác xã Vận tải và Dịch vụ C chưa nộp án phí.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**4. Về quyền kháng cáo:**

- Đương sự có mặt được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

- Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản sao bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện KSND Quận 2;
- Chi cục THA DS Quận 2;
- TAND TP HCM;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Ngọc Phú**